

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2025.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Lương Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLST-HN&GD ngày 05 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Giàng Thị B**; năm sinh 2001; nơi ĐKTT: Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản K, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vừ A M**, sinh năm 1999; địa chỉ: Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Giàng Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị Giàng Thị B và anh Vừ A M chung sống như vợ chồng từ năm 2018 đến ngày 31/01/2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên, kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, anh Vừ A M ít khi quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2021 vợ chồng anh chị cùng đi làm thuê ở tỉnh Bắc Giang, anh Vừ A M phạm tội nên đi chấp hành án 03 năm, đến ngày 16/12/2024 thì chấp hành xong án phạt tù. Chị Giàng Thị B và anh Vừ A M đã sống ly thân từ 2022 cho đến nay.

Tình cảm vợ chồng không còn, chị Giàng Thị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vừ A M.

Về con chung: Chị Giàng Thị B và anh Vừ A M có 02 con chung; cháu Vừ Thị Thùy L, sinh ngày 04/12/2018 và cháu Vừ Duy K, sinh ngày 21/02/2020. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Vừ Thị Thùy L, sinh ngày 04/12/2018 và cháu Vừ Duy K, sinh ngày 21/02/2020 cho chị Giàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị Giàng Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và tài sản riêng; nợ chung và nợ riêng: Chị Giàng Thị B và anh Vừ A M không có.

Ngày 05/02/2025 thụ lý vụ án, đến ngày 07/02/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú và lấy lời khai của bố mẹ đẻ anh Vừ A M (ông Vừ A C và bà Sùng Thị N), về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con của anh chị, qua xác minh cho thấy: Quá trình sinh sống tại bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên từ năm 2018 đến năm 2021, vợ chồng chị Giàng Thị B và anh Vừ A M không xảy ra mâu thuẫn gì. Năm 2021 anh Vừ A M đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Giang có hành vi vi phạm pháp luật phải chấp hành án phạt tù đến tháng 12/2024 chấp hành xong án phạt tù về địa phương. Trong thời gian anh Vừ A M chấp hành án, đến năm 2022 chị Giàng Thị B cũng đi làm công nhân đến cuối năm 2024 mới về nhà. Chị Giàng Thị B và anh Vừ A M đã sống ly thân từ háng 01/2025, đến tháng 02/2025 anh Vừ A M cũng đi làm Công nhân ở Hà Nội. Hiện tại cháu Vừ Thị Thùy L, cháu Vừ Duy K đang do ông Vừ A C và bà Sùng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; chị Giàng Thị B gửi tiền cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu từ năm 2023 đến năm 2024 là 4.000.000đ đến 5.000.000đ/năm, từ tháng 01/2025 đến nay chị Giàng Thị B gửi 6.000.000đ; anh Vừ A M mới đi làm từ tháng 02/2025 nên chưa có tiền gửi về cho ông bà để nuôi các cháu. Anh Vừ A M đang đi làm công nhân tại thành phố Hà Nội nhưng không cho ông Vừ A C, bà Sùng Thị N và chính quyền địa phương biết địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mình; nên gia đình và địa phương không nắm rõ anh Vừ A M làm gì và cụ thể ở đâu, không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Vừ A M. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh Vừ A M vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 01/4/2025, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng anh Vừ A M vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh Vừ A M và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 04/4/2025, chị Giàng Thị B đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 28/4/2025, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2025 và đã tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật, anh Vũ A M vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 16/5/2025, chị Giàng Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Anh Vũ A M vắng mặt lần 2 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị B. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Giàng Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh sự vắng mặt của bị đơn nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Vũ A M, nhưng anh Vũ A M vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Vũ A M đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 04/4/2025 chị Giàng Thị B có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải lần 2, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Giàng Thị B, được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vũ A M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228,

Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị Giàng Thị B và anh Vừ A M tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về kết hôn: Chị Giàng Thị B và anh Vừ A M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào bản sao bản sao trích lục kết hôn ngày 04/02/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị B và anh Vừ A M là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Giàng Thị B khai nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị hay xảy ra cãi nhau và đã sống ly thân. Tại biên bản xác minh nơi cư trú và lấy lời khai của bố mẹ đẻ anh Vừ A M ngày 07/02/2025 tại bản Phiêng Pi, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên thể hiện, năm 2021 anh Vừ A M đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Giang vi phạm pháp luật phải chấp hành án, đến tháng 12/2024 về địa phương thì chị Giàng Thị B cho rằng không còn tình cảm với anh Vừ A M và anh chị đã sống ly thân.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị Giàng Thị B về tình trạng hôn nhân là có căn cứ phù hợp với các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, thực tế anh chị đã sống ly thân và trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định chị Giàng Thị B và anh Vừ A M không còn tình cảm vợ chồng; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giàng Thị B.

[4] Về con chung: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2025 thể hiện, bà Vàng Thị C1 (mẹ đẻ chị Giàng Thị B) đang trực tiếp hỗ trợ chị Giàng Thị B chăm sóc cháu Vừ Thị Thùy L, sinh ngày 04/12/2018 và cháu Vừ Duy K, sinh 21/02/2020; chị Giàng Thị B1 đi làm công nhân gửi tiền về để nuôi dưỡng các con; anh Vừ A M thường xuyên đi làm thuê ở xa, không thông tin về gia đình. Xét thấy, yêu cầu nuôi con sau ly hôn của chị Giàng Thị B đã đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Giàng Thị B1 yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Giàng Thị B và anh Vừ A M không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí: Chị Giàng Thị B là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Giàng Thị B được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giàng Thị B đối với bị đơn anh Vừ A M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị B được ly hôn anh Vừ A M.
- Về con chung:

Chị Giàng Thị B có nghĩa vụ, quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vừ Thị Thùy L, sinh ngày 04/12/2018 và cháu Vừ Duy K, sinh ngày 21/02/2020 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Giàng Thị Bàu K1 yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Giàng Thị B có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Vừ A M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Giàng Thị B và anh Vừ A M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Giàng Thị B.

3. Quyền kháng cáo: Chị Giàng Thị B và anh Vừ A M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã P
- (Cơ quan thực hiện ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Việt Hương

